

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177 /2020/DS-PT

Ngày 20 – 8 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Út

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thế Phương

Ông Nguyễn Thành Lập

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2020/TLPT- DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2020/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/2020/QĐPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1983;

Cư trú tại : , khóm 8, phường 5, Tp. C, tỉnh C. (có mặt).

***- Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960;

Cư trú tại: , khóm 5, phường 5, Tp. C, tỉnh C. (có mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Trần Văn Minh H, sinh năm 1963;

*Người đại diện hợp pháp cho ông H:* Bà Nguyễn Thị T, theo giấy ủy quyền ngày 06-8-2020 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Khóm 5, phường 5, Tp C, tỉnh C.

***- Người kháng cáo:*** Bà Nguyễn Thị T – Là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:*

Vào ngày 16-01-2019 ông có cho bà T, ông H vay số tiền 300.000.000đ, đến ngày 26-3-2019 bà T tiếp tục vay thêm 200.000.000đ lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, bà T hứa sẽ thanh toán sau 02 tháng nhưng đến nay vẫn không thanh toán được cho ông vốn và lãi. Nay ông yêu cầu bà T, ông H thanh toán cho ông số tiền vốn 500.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

*Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Ngày 28-12-2018 bà có vay của ông L 400.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, đến ngày 16-01-2019 bà trả được 100.000.000đ nên viết lại giấy nợ 300.000.000đ. Ngày 26-3-2019 bà vay thêm 200.000.000đ. Bà đã đóng lãi đến hết tháng 8-2019 với lãi suất 6%/tháng, từ tháng 9-2019 đến hết tháng 01-2020 bà đóng lãi suất 2%/tháng. Từ sau tháng 01-2020 thì ngưng đến nay bà không thanh toán thêm được khoản nào do hoàn cảnh khó khăn, bà không còn khả năng thanh toán. Việc trả lãi chỉ thỏa thuận miệng nên bà không có giấy tờ chứng minh. Nợ là do bà tự đứng ra vay, không liên quan đến ông H, bà không đồng ý việc ông L yêu cầu ông H cùng có trách nhiệm thanh toán, bà sẽ tự mình có trách nhiệm thanh toán cho ông L.

*Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chỉ thừa nhận đã nhận lãi của bị đơn như sau:*

Ngày 16-01-2019 bị đơn vay 300.000.000 đồng; đến ngày 26-3-2019 bị đơn vay 200.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng.

Từ 16-01-2019 đến 26-3-2019 áp lãi 6%, nguyên đơn nhận 42.000.000 đồng (trong khoản vay 300.000.000 đồng).

Từ 26-3-2019 đến 26-5-2019, áp lãi 6%, nhận 60.000.000 đồng (trong tổng hai khoản vay 500.000.000 đồng).

Từ 26-5-2019 đến tháng 1-2020, áp lãi 2%, nguyên đơn nhận 80.000.000 đồng (trong khoản vay 500.000.000 đồng).

Tổng số tiền lãi nguyên đơn xác định đã nhận của bị đơn là 182.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn cũng thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà T thanh toán nợ, không yêu cầu ông H.

*Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2020/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Đình chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thanh L buộc ông Trần Văn Minh H có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị T thanh toán nợ cho ông L.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L.

Buộc bà Nguyễn Thị T thanh toán cho ông Nguyễn Thanh L số tiền nợ vay là 452.460.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của anh L đối với phần yêu cầu còn lại là 47.540.000đ

*Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 23-3-2020 về việc cấm bà Nguyễn Thị T không được thực hiện hành vi chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp đối với căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại , khóm 5, phường 5, Tp. C, tỉnh C.. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 23-3-2020 đương nhiên hết hiệu lực khi án có hiệu lực thi hành. Ông Nguyễn Thanh L được nhận lại ngay số tiền 500.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Cà Mau (nộp theo quyết định số 04/2020/QĐ – BPBD ngày 23-3-2020 về việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03-07-2020, bà Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng xem xét đối trừ tiền lãi vào vốn gốc mà bà T đã thanh toán cho ông L.

Về căn cứ kháng cáo:

- *Thứ nhất:* Bà T xác định bà chỉ vay nợ của ông L số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 28-12-2018 lãi suất 6%/tháng; đến ngày 16-01-2019 bà T trả được 100.000.000 đồng, nên các bên đã viết lại biên nhận 300.000.000 đồng, ông L đã lấy lại biên nhận vay 400.000.000 đồng. Ngày 26-3-2019 bà T vay thêm 200.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc bà T thiếu 500.000.000 đồng.

- *Thứ hai:* Bà T đã thanh toán lãi đến hết tháng 8-2019 với lãi suất 6%; và từ tháng 9-2019 đến hết tháng 1-2020 bà T đóng lãi 2%/tháng. Bà T đã thanh toán tổng cộng cho ông L số tiền 252.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà T cung cấp bản sao kê ngày 30-7-2020.

Ông Nguyễn Thanh L thống nhất trả cho bà Nguyễn Thị T Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (bản chính).

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:* Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2

Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử chấp nhận một phần kháng cáo kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; Sửa bản án sơ thẩm, theo hướng đối trừ lãi bà T đã đóng vượt mức quy định từng thời điểm thanh toán để trừ vào nợ gốc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[1] *Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Nguyên đơn và bị đơn đều xác định, nguyên đơn cho bị đơn vay, nợ gốc là 500.000.000 đồng, khi vay bị đơn là bà T có đưa cho ông L giữ 01 Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa do ông Trần Văn Minh H đứng tên. Tuy nhiên, về thời gian vay, số tiền bị đơn trả gốc và trả lãi, thì các bên không thống nhất với nhau. Cụ thể: Nguyên đơn xác định bị đơn vay lần đầu là 300.000.000 đồng vào ngày 16-01-2019 (có kèm theo biên nhận bà T ký tên bút lục số 62); đến ngày 26-3-2019 nguyên đơn cho bị đơn vay tiếp là 200.000.000 đồng (có biên nhận bà T ký tên, Bút lục số 61); tổng cộng là 500.000.000 đồng. Đối với bị đơn thì cho rằng, trước ngày 16-1-2019, tức vào ngày 28-12-2018 thì bà T đã vay của ông L 400.000.000 đồng, lãi 6%/tháng; đến ngày 16-01-2019 bà T trả được 100.000.000 đồng, nên các bên đã viết lại biên nhận 300.000.000 đồng, (nên đã bỏ biên nhận 400.000.000 đồng). Ngày 26-3-2019 bà T vay thêm 200.000.000 đồng là đúng. Về lãi đã nhận, nguyên đơn xác định: Từ ngày 16-01-2019 đến ngày 26-3-2019 áp lãi 6%, nguyên đơn nhận 42.000.000 đồng; Từ ngày 26-3-2019 đến ngày 26-5-2019, áp lãi 6%, nhận 60.000.000 đồng; Từ ngày 26-5-2019 đến hết tháng 01/2020, áp lãi 2%, nguyên đơn nhận 80.000.000 đồng, tổng cộng lãi đã nhận 182.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà đã trả lãi tổng số tiền là 252.000.000 đồng, cụ thể đã thanh toán lãi đến hết tháng 8-2019 với lãi suất 6%; và từ tháng 9-2019 đến hết tháng 01-2020 bà T đóng lãi 2%/tháng (nhưng bà T không có giữ biên nhận đóng lãi).

[3] *Về chứng cứ chứng minh:* Quá trình khởi kiện nguyên đơn đã xuất trình biên nhận cho vay như đã nêu. Đối với bà T thì từ cấp sơ thẩm bà không có tài liệu gì chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T xuất trình 01 phiếu chuyển tiền người chuyển là Nguyễn Thị Thu Hiền chuyển cho Lâm Đức Nhận 400.000.000 đồng, theo bà T thì bà T đã vay tiền của ông L số tiền 400.000.000 đồng xong, thông qua người tên Hiền là nhân viên Ngân hàng Vietcombank (công tác chung với ông L), bà Hiền đã chuyển cho ông Nhận số tiền này. Tuy nhiên, tại phiên Tòa phúc thẩm ông L không thừa nhận việc này, việc bà Hiền và bà T thực hiện giao dịch trên ông L không biết, không liên quan. Đối với bà T cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác thể hiện đã vay và đã nhận 400.000.000 đồng của Lâm, nên lời trình bày của bà T là không có cơ sở. Song, nếu có việc bà T có vay số tiền 400.000.000 đồng và trả gốc 100.000.000 đồng, thì số nợ gốc đến ngày 16-01-2019 các bên thỏa thuận ký lại vẫn là 300.000.000 đồng, bà T cũng không thiệt hại

gì. Đối với giao dịch trước đó các bên đã thanh toán xong, đã thỏa thuận chấm dứt, phía bà T cũng không chứng minh được việc bà T đã trả lãi cao trong giai đoạn từ ngày 28-12-2018 đến ngày 16-01-2019, nên cũng không có cơ sở đối trừ lãi cho bà T.

[3.1] Tuy nhiên, ông L thừa nhận đã nhận lãi của bà T qua các giai đoạn thời gian, tổng cộng số tiền 182.000.000 đồng là cao hơn so với quy định cho phép, nên án sơ thẩm đã điều chỉnh lại lãi suất là có cơ sở. Song, Bản án sơ thẩm xác định: Từ khi vay để khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi cho phép tổng số là 134.460.000 đồng, rồi trừ vào tổng số tiền lãi bị đơn đã trả 182.000.000 đồng, số tiền còn lại mới trừ tiếp vào nợ gốc và buộc bị đơn trả 452.460.000 đồng là chưa phù hợp. Lẽ ra, phía nguyên đơn đã chốt được thời gian nhận lãi, số tiền nhận thì cần phải đối trừ vào nợ gốc cho từng lần bị đơn thanh toán mới phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, nội dung của Nghị Quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND TC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể:

[3.2] Từ ngày 16-01-2019 đến ngày 26-3-2019, vay vốn gốc 300.000.000 đồng, áp lãi 6%, nguyên đơn nhận 42.000.000 đồng là vượt quy định  $20\%/năm = 1,66\%/tháng$ . Lãi điều chỉnh là 02 tháng 10 ngày  $\times 300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% = 11.620.000 \text{ đồng}$ . Đối trừ số lãi đã đóng 42.000.000 đồng, còn lại 30.380.000 đồng. Lấy 300.000.000 đồng nợ gốc – 30.380.000 đồng lãi thanh toán vượt = 269.620.000 đồng (số tiền này là nợ gốc còn lại đến ngày 26-3-2019). Ngày 26-3-2019 bị đơn vay tiếp 200.000.000 đồng, thì vốn gốc là 469.620.000 đồng  $\times 02$  tháng (đến ngày 26-5-2019)  $\times 1,66\% = 15.591.384 \text{ đồng}$ . Do nguyên đơn nhận lãi 02 tháng số tiền 60.000.000 đồng, nên được đối trừ 15.591.384 đồng, còn lại 44.408.616 đồng, trừ tiếp vào nợ gốc, còn lại nợ gốc là 425.211.384 đồng. Từ ngày 26-5-2019 đến ngày 26-01-2020 là 08 tháng: Nợ gốc là 425.211.384 đồng  $\times 1,66\% \times 08 \text{ tháng} = 56.468.071 \text{ đồng}$ . Đối trừ lãi bị đơn đã trả số tiền 80.000.000 đồng – 56.468.071 đồng = 23.531.929 đồng, số lãi trả vượt sẽ được trừ vào nợ gốc, còn lại là 401.679.455 đồng. Tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 19-6-2020 là 05 tháng 24 ngày = 38.673.697 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 440.353.152 đồng.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả nợ, không yêu cầu ông H cùng trả, là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Lẽ ra, Bản án sơ thẩm cần tuyên buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn là đủ, việc án sơ thẩm tuyên xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn đối với ông H là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 70, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với Giấy phép đăng ký thủy nội địa (ông L nhận của bà T), ông L thống nhất giao lại cho bà T trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[5] Đối với việc cấp sơ thẩm ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 23-3-2020 về việc cấm bà T không được thực hiện hành vi chuyển nhượng, tặng cho, **thế chấp** đối với căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại , khóm 5, phường 5, Tp. C, tỉnh C. là không phù hợp, vì tại Điều 4

của Hợp đồng tín dụng ngày 26-4-2019 (Bút lục số 57-58) cũng đã xác định căn nhà, đất nêu trên đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Á Châu (bị đơn cũng xác định đang thế chấp), nên việc ngăn chặn thế chấp là không đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn thống nhất yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 23-3-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Từ đó, xét Hội đồng xét xử thống nhất cần hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ông Nguyễn Thanh L được nhận lại ngay số tiền 500.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (nộp theo quyết định số 04/2020/QĐ – BPBĐ ngày 23-3-2020 về việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm) là phù hợp.

[6] Từ những nhận định trên, cần sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[7] *Về án phí:*

*Về án phí sơ thẩm:*

Do bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi, có đơn xin miễn, nên được xét miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Thanh L phải chịu án phí 5% có giá ngạch là 2.928.342 đồng. Ngày ngày 20-02-2020 ông L đã dự nộp số tiền 12.000.000đ theo biên lai số 0001459 được đối trừ và nhận lại 9.017.658 đồng.

*Án phí phúc thẩm:* Bà Nguyễn Thị T không phải chịu (đã được miễn dự nộp).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 308 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 26 và Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 70, khoản 1 Điều 138, Điều 147, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị Quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2020/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền nợ gốc và lãi là 440.353.152 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L đối với số tiền là 59.646.848 đồng.

*Kể từ ngày ông Nguyễn Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn Thị T không thi hành thì còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.*

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 23-3-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về việc cấm bà Nguyễn Thị T không được thực hiện hành vi chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp đối với căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại , khóm 5, phường 5, Tp. C, tỉnh C..

Ông Nguyễn Thanh L được nhận lại số tiền 500.000.000 đồng tại Ngân hàng Công thương theo Quyết định số: 04/2020/QĐ – BPBĐ ngày 23-3-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm).

*(Có Quyết định hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kèm theo)*

3. Về án phí:

- *Về án phí sơ thẩm:* Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi. Ông Nguyễn Thanh L phải chịu là 2.928.342 đồng. Ngày 20-02-2020 ông L đã dự nộp số tiền 12.000.000đ theo biên lai số 0001459 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ và nhận lại 9.017.658 đồng.

- *Án phí phúc thẩm:* Bà Nguyễn Thị T không phải chịu (đã được miễn dự nộp).

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Út**